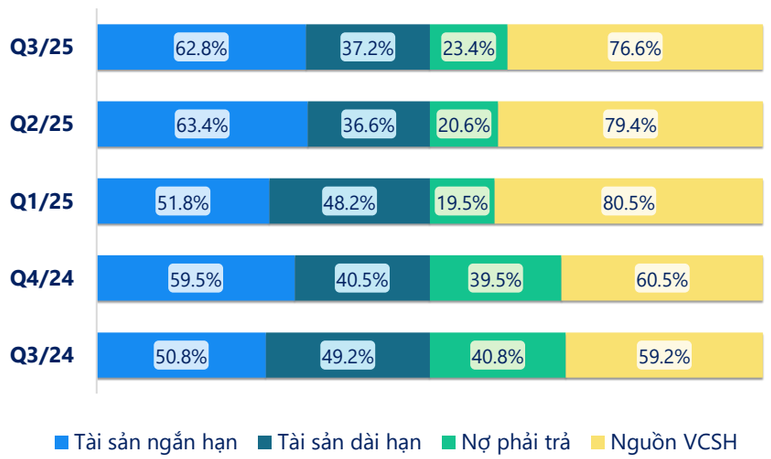
FireAnt

CTCP Tập đoàn Yeah1 (HSX: YEG)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	14,250
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	21,175
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,324
SL cổ phiếu LH	191,802,035
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,942,635
% sở hữu nước ngoài	12.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,733
P/E	20.0
EPS	711

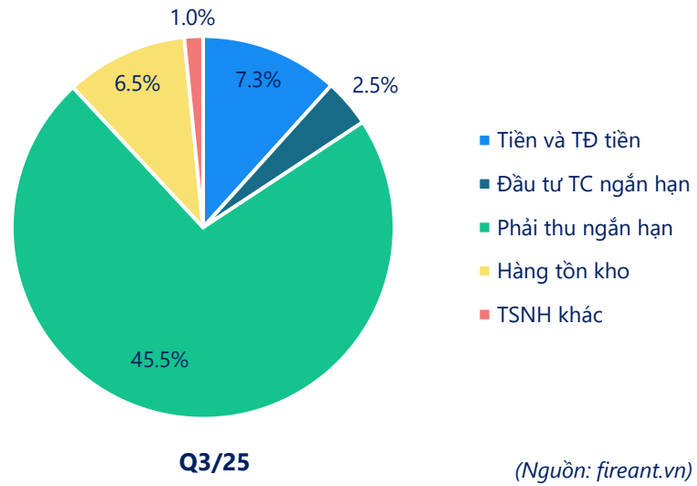
	YTD	1T	3T	6T
YEG	-14.7%	-0.7%	16.8%	2.9%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



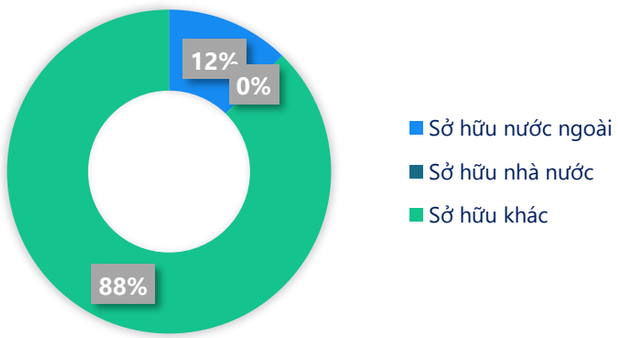
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



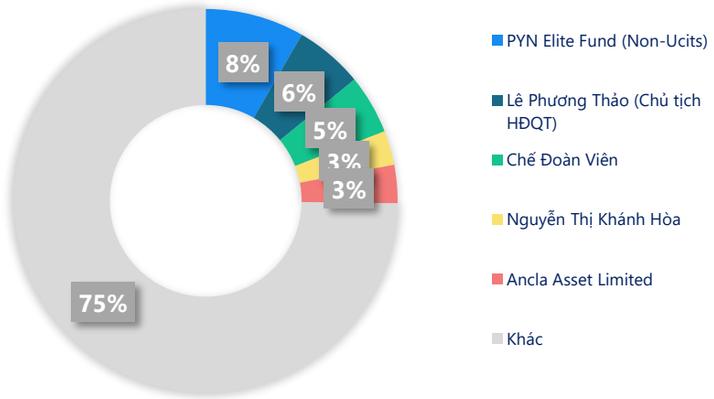
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



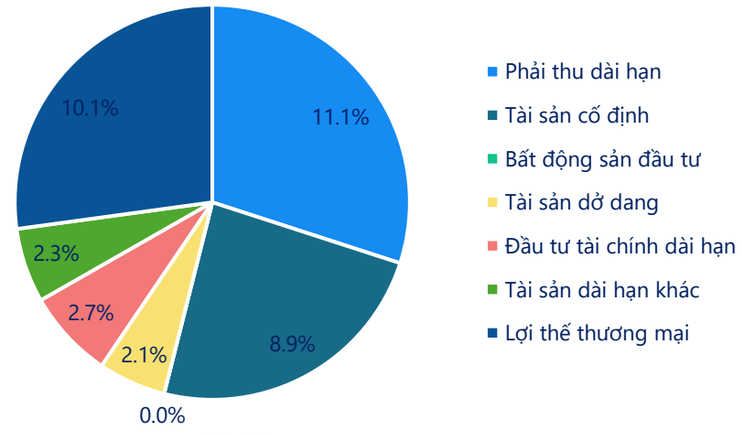
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

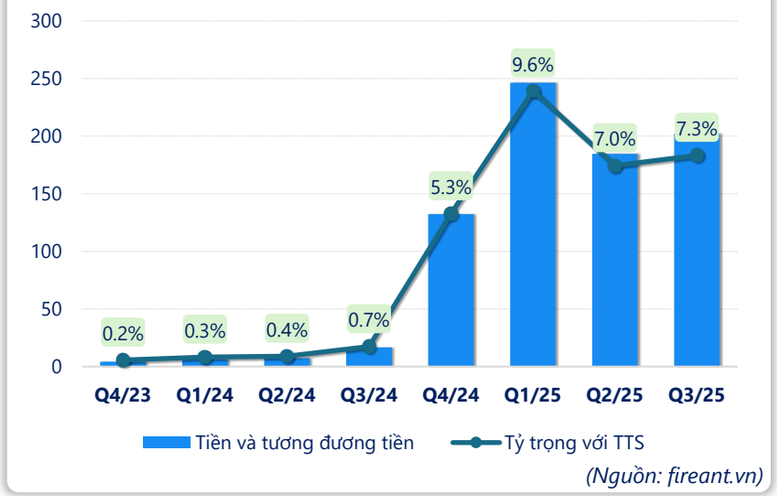


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

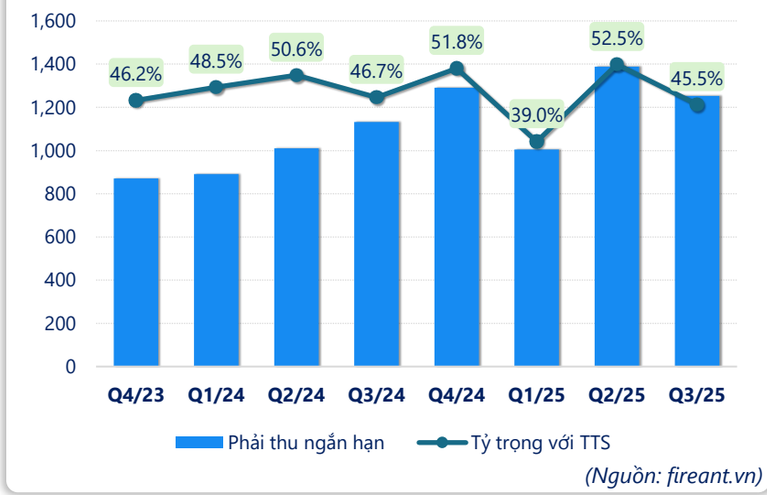
CTCP Tập đoàn Yeah1 (HSX: YEG)

Tiền và tương đương tiền



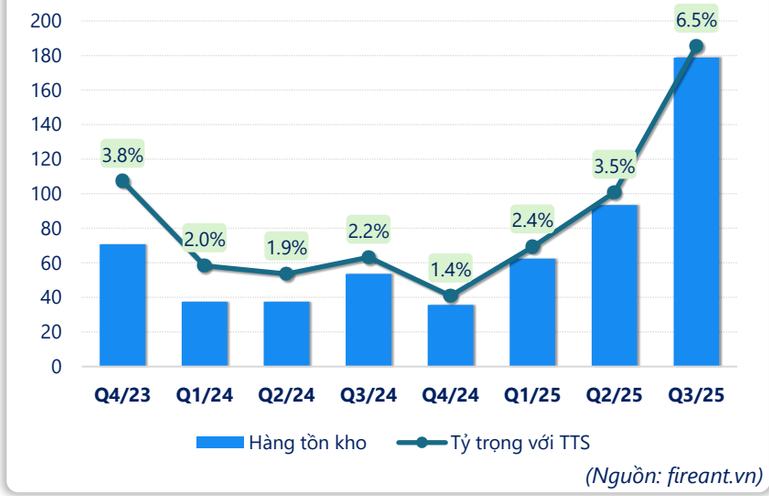
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



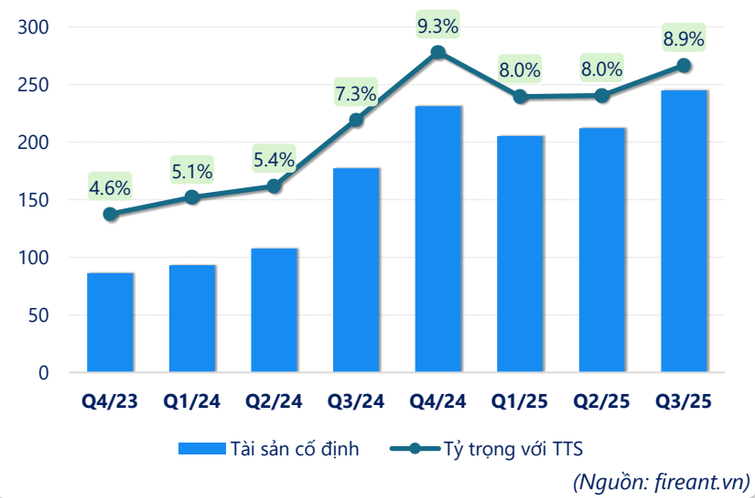
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



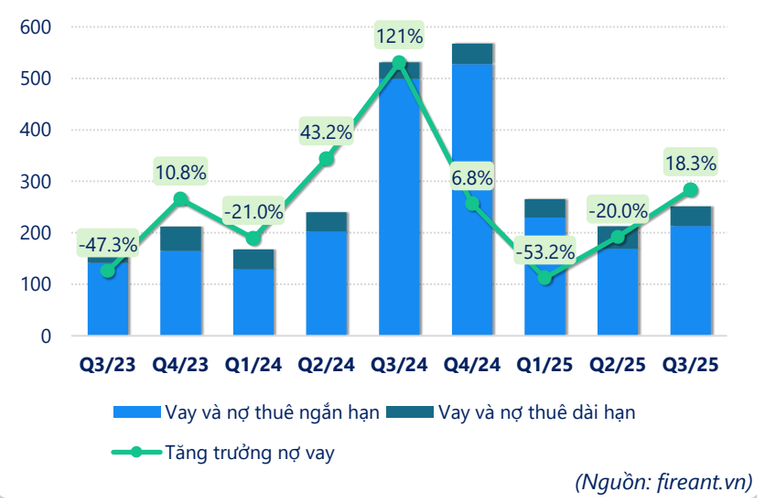
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



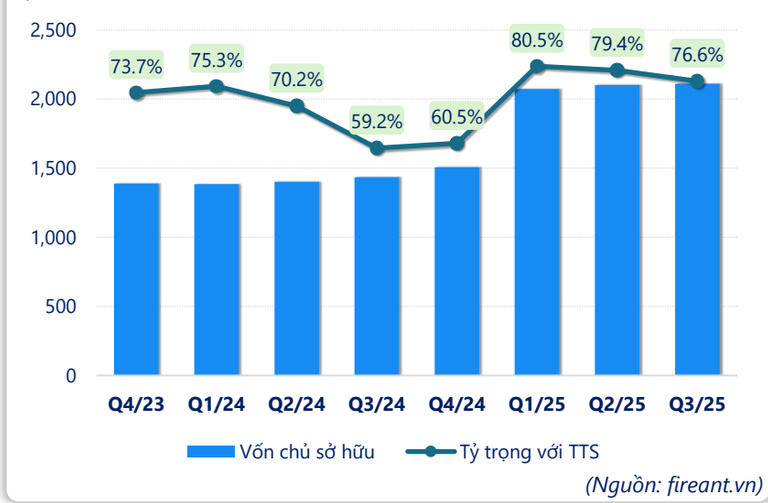
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

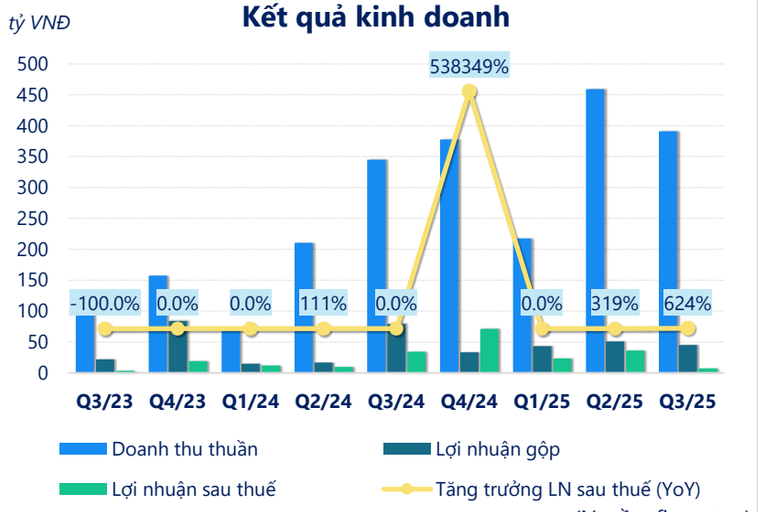


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

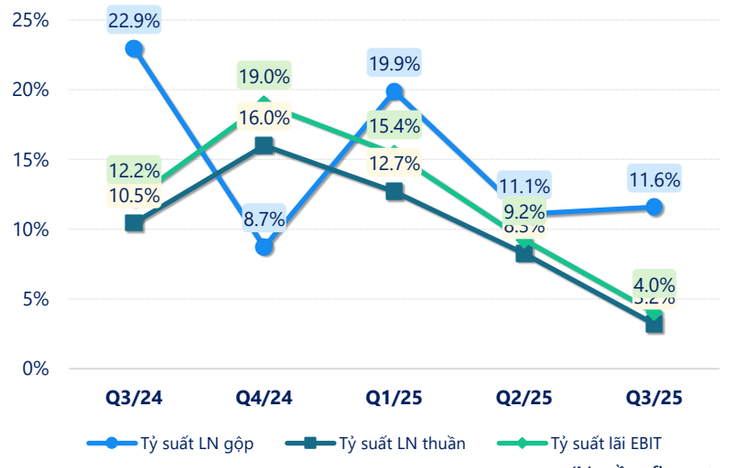
CTCP Tập đoàn Yeah1 (HSX: YEG)

Kết quả kinh doanh



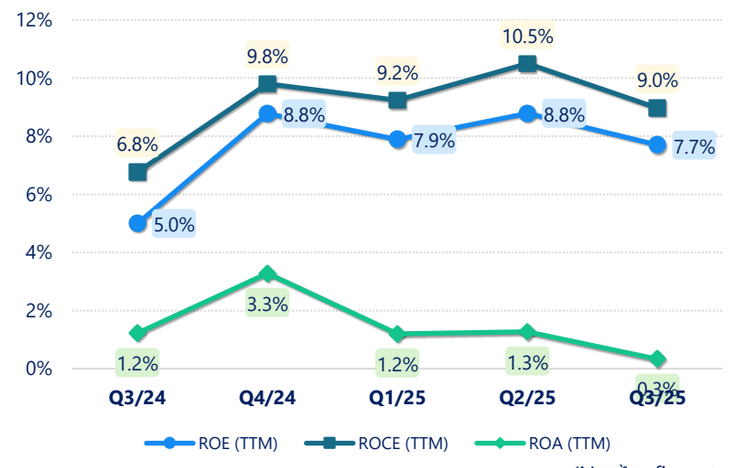
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



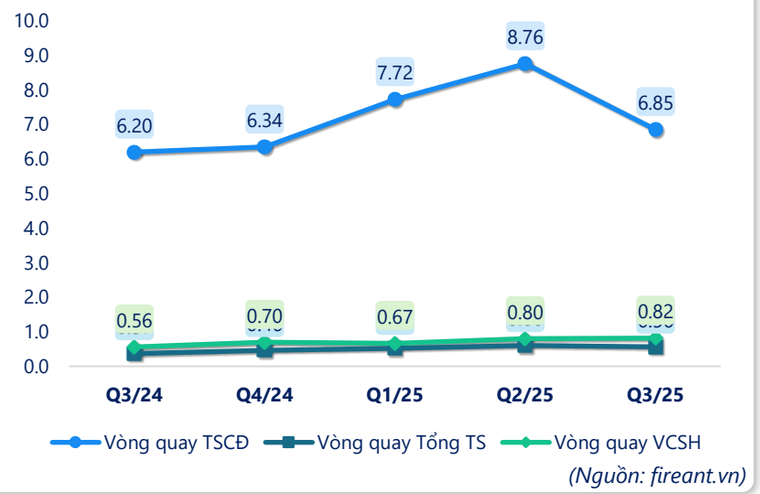
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



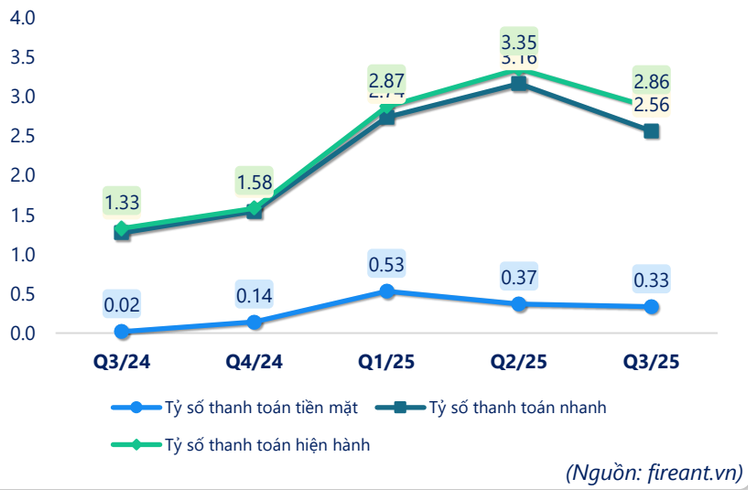
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



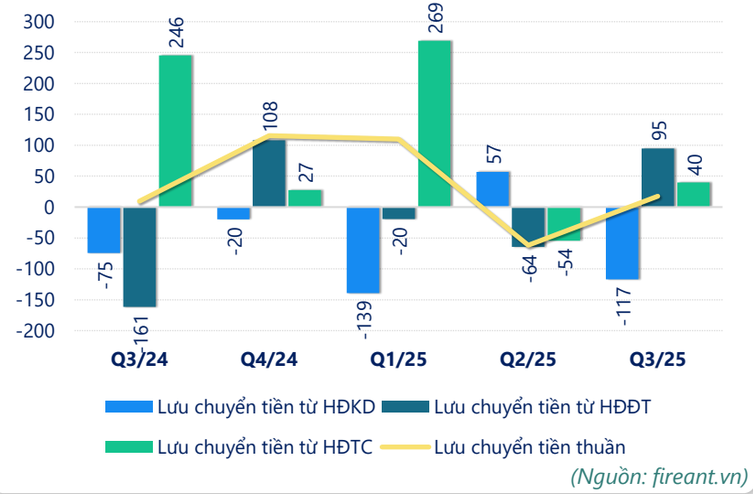
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Tập đoàn Yeah1 (HSX: YEG)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,754**	**2,513**	**9.6%**
Tài sản ngắn hạn	1,731	1,305	32.6%
Tiền và tương đương tiền	202	136	48.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	70.0	1.23	5591%
Phải thu ngắn hạn	1,253	1,102	13.7%
Hàng tồn kho	179	40.8	338%
Tài sản ngắn hạn khác	27.3	25.1	8.8%
Tài sản dài hạn	**1,023**	**1,208**	**-15.3%**
Phải thu dài hạn	307	477	-35.7%
Tài sản cố định	245	209	17.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	56.8	63.2	-10.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	74.3	111	-33.1%
Tài sản dài hạn khác	**62.4**	**45.5**	**37.1%**
Lợi thế thương mại	278	302	-8.0%
Nợ phải trả	643	1,013	-36.5%
Nợ ngắn hạn	**605**	**963**	**-37.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	213	527	-59.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	132	138	-3.8%
Nợ dài hạn	38.1	50.0	-23.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	38.1	50.0	-23.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,110**	**1,500**	**40.7%**
Vốn chủ sở hữu	**2,110**	**1,500**	**40.7%**
Vốn điều lệ	1,918	1,370	40.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	345	378	218	459	391
Giá vốn hàng bán	266	345	174	408	346
Lợi nhuận gộp	79.2	33.0	43.3	50.9	45.3
Doanh thu HĐTC	24.5	78.0	55.0	11.6	5.51
Chi phí TC	9.72	16.2	20.7	-5.14	3.69
Chi phí lãi vay	8.04	14.5	9.37	5.06	4.12
LN trong công ty LKLD	-11.4	-1.11	0	-0.11	0
Chi phí bán hàng	7.08	9.29	5.58	9.91	5.58
Chi phí QLDN	39.4	23.9	44.4	19.7	29.0
LN thuần từ HĐKD	36.1	60.4	27.7	37.9	12.5
Lợi nhuận khác	-2.08	-3.27	-3.51	-0.52	-0.85
LN trước thuế	34.0	57.2	24.2	37.4	11.6
Lợi nhuận sau thuế	34.3	71.0	23.3	36.0	7.34
LNST của CĐ cty mẹ	26.1	71.8	26.5	29.6	8.59

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-74.5	-20.0	-139	56.9	-117
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-161	108	-19.7	-64.3	94.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	246	27.3	269	-54.3	39.6
Tiền đầu kỳ	7.23	16.7	136	246	185
Lưu chuyển tiền thuần	**9.52**	**116**	**110**	**-61.8**	**17.6**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0.11	-0.11
Tiền cuối kỳ	16.7	132	246	185	202

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic